

Thủy Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2022

I. Thời gian: 14 giờ 30 phút ngày 26 tháng 4 năm 2023

II. Địa điểm: Trường THPT Quang Trung

III. Thành phần:

1. Ông Ngô Văn Tuyên- Phó Hiệu trưởng phụ trách trường
2. Bà Cao Thị Thúy Liên- Chủ tịch công đoàn
3. Bà Vũ Thị Hải Yến- Trưởng ban Thanh tra
4. Bà Vũ Thị Thùy Vân- Thư ký Hội đồng
5. Bà Đỗ Thị Phương Nhã- Kế toán

IV. Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2022 (có biểu mẫu kèm theo)
2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 26 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 25 tháng 5 năm 2023
3. Địa điểm công khai: Bảng thông báo tại Hội đồng giáo dục Nhà Trường.
4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp.

Biên bản được lập xong vào lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Vũ Thị Thùy Vân

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

Cao Thị Thúy Liên

PHỤ TRÁCH TRƯỜNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Văn Tuyên

TRƯỞNG BAN TTND

Vũ Thị Hải Yến

KẾ TOÁN

Đỗ Thị Phương Nhã

Hải Phòng, ngày 26 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu
năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục;

Căn cứ kế hoạch của thủ trưởng đơn vị trường THPT Quang Trung;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2022 của trường THPT Quang Trung (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng, phụ trách kế toán, các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**PHỤ TRÁCH TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Ký, đóng dấu)



Ngô Văn Tuyến

QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 5.5.9/QĐ-THPTQT ngày 26/4/2023 của trường THPT Quang Trung)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5 = 4-3	6
A	QUYẾT TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	101			
1.2	Mức thu: 77.000đ/HS				
1.3	Tổng số thu trong năm	987			
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.089			
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)	1.089			
1.6	Số chi trong năm	791			
	Trong đó: - Bỏ sung chi lương	397			
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	201			
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	11			
	- Chi khác	182			
1.7	Số dư cuối năm	298			
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
2.1	Dạy thêm học thêm				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	35			
2.1.2	Mức thu 7.000đ/tiết và 9.000đ/tiết				
2.1.3	Tổng số thu trong năm	3.776			
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3.811			
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)				
2.1.6	Số chi trong năm	3.811			
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	2.643			
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	454			
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	35			
	- Trích quỹ phúc lợi	339			
	- Trích quỹ PTHĐSN	340			
2.1.7	Số dư cuối năm	-	-		
2.2	Dạy nghề THPT				
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0			
2.2.2	Mức thu 10.000đ/tháng				
2.2.3	Tổng số thu trong năm	36			

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5 = 4-3	6
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	36			
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	36			
2.2.6	Số chi trong năm	36			
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	30			
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác	6			
2.2.7	Số dư cuối năm	-			
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)				
3.1				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: -				
	-				
	-				
3.1.6	Số dư cuối năm				
				
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
4.1. Trông giữ xe					
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	10			
4.1.2	Mức thu (Xe đạp: 30.000đ, Xe điện, xe gắn máy: 40.000đ và 50.000đ)				
4.1.3	Tổng số thu trong năm	403			
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	413			
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	413			
4.1.6	Số chi trong năm	275			
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	161			
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	21			
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	46			
	- Chi phúc lợi	41			
	- Chi khác: khen thưởng,	6			
4.1.7	Số dư cuối năm	138			
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sông, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				

VÀ Đ
TR
RUNG HOC
QUANG
Đ

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5 = 4-3	6
5.1	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu				
5.1.3	Tổng số thu trong năm				
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾				
5.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng liên kết đào tạo				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác: Nộp thuế				
5.1.7	Số dư cuối năm				
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
6.1	Bảo hiểm Y tế học sinh				
6.1.1	Số học sinh	1.382			
6.1.2	Mức thu K10; 11= 563.220/ năm; K12= 422.415/năm				
6.1.3	Tổng thu	725			
6.1.4	Đã chi	725			
6.1.5	Dư	0			
6.2	Bảo hiểm thân thể				
6.2.1	Số học sinh	1.461			
6.2.2	Mức thu 150.000đ/năm học				
6.2.3	Tổng thu	219			
6.2.4	Đã chi	219			
6.2.5	Dư	0			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				



STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5 = 4-3	6
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học thêm				
4	Trông giữ xe đạp	42			
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.628			
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.631			
	Chi thanh toán cá nhân	9.013			
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	406			
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	366			
	Chi khác	846			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	997			
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác	997			
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

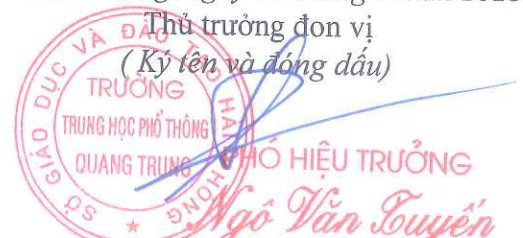
Người lập
(Ký, ghi họ tên)



Đỗ Thị Phương Nga

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



NGO VĂN TUYẾN